

Số: 01/2023/QĐST- HNGĐ

Lai Châu, ngày 22 tháng 5 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Thư ký phiên họp: Bà Nông Thu Hồi – Thư ký TAND tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên họp: Bà Hoàng Thị Ngọc Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 01/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Vũ Trọng T, sinh năm: 1984; Nơi thường trú: phường T, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu; Nơi cư trú: Phòng 201, Tòa 6-11 Sunmotgil, thành phố PaJu, tỉnh Gyeonggi, Hàn Quốc.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1982; Địa chỉ: phường T, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

(ông T và bà H đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 31/3/2023 và các lời khai ông Vũ Trọng T và bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 05 tháng 11 năm 2008, ông Vũ Trọng T và bà Nguyễn Thị H kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện P, tỉnh T và được Ủy ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn, vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Từ khi kết hôn đến năm 2018 vợ chồng chung sống hạnh phúc; Năm 2019 gia đình có nhiều bất đồng, thường xuyên xảy ra tranh cãi, gây gổ, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 12 năm 2019, ông Vũ Trọng T

xuất cảnh chuyển đến sinh sống và hiện tại đang làm việc tại Hàn Quốc. Ông Vũ Trọng T và bà Nguyễn Thị H xác định vợ chồng không còn tình cảm nên thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu giải quyết cho ông, bà thuận tình ly hôn.

Về con chung: ông T, bà H có hai con chung là cháu Vũ Trọng N, sinh ngày 18/11/2009 và cháu Vũ Kim N, sinh ngày 17/9/2015. Ly hôn, vợ chồng ông, bà đã thỏa thuận: bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung ông T, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: ông Vũ Trọng T và bà Nguyễn Thị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T, bà H không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Ông Vũ Trọng T và bà Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, không tiếp cận công khai chứng cứ và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Ông T ủy quyền cho bà H thay mặt ông giao nộp và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, có trách nhiệm thông báo cho ông. Quá trình giải quyết vụ án hai con chung có ý kiến xin được ở với bà H.

Tại phiên họp: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên họp đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Vũ Trọng T và bà Nguyễn Thị H, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Vũ Trọng T và bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: hai con chung là cháu Vũ Trọng N, sinh ngày 18/11/2009 và cháu Vũ Kim N, sinh ngày 17/9/2015 giao cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông Vũ Trọng T, bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: ông T, bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Lệ phí: bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, căn cứ đơn và lời khai của các đương sự và ý kiến đại diện Viện Kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Vũ Trọng T và bà Nguyễn Thị H thể hiện ông T đang sống tại Phòng 201, Tòa 6-11 Sunmotgil, thành phố PaJu, tỉnh Gyeonggi, Hàn Quốc. Bà Nguyễn Thị H hiện nay đang cư trú tại phường T, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu thụ lý, giải quyết việc dân sự là đúng quy định tại khoản 2 Điều 29, khoản 3 điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39 và Điều 469 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Ông Vũ Trọng T và bà Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án không hòa giải và mở phiên họp vắng mặt ông T, bà H theo quy định tại khoản 4 Điều 207, khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Vũ Trọng T đang sinh sống tại Hàn Quốc, ông có đơn thuận tình ly hôn, bản tự khai, đơn xin vắng mặt đều có lời chứng thực của đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc. Bà H đồng ý ký vào đơn yêu cầu thuận tình ly hôn và có lời tự khai phù hợp với ý kiến của ông T. Như vậy, có căn cứ để xác định nội dung trong các văn bản trên thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của ông T, bà H. Việc ông Vũ Trọng T, bà Nguyễn Thị H đề nghị thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 05 tháng 11 năm 2008, ông Vũ Trọng T và bà Nguyễn Thị H kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên và được Ủy ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn, vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, từ tháng 12 năm 2019, ông T xuất cảnh chuyển đến sinh sống và hiện tại đang làm việc tại Hàn Quốc; ông T, bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Vũ Trọng T và bà Nguyễn Thị H là hợp pháp theo Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Hiện nay vợ chồng mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn. Theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả hai ông, bà đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu nhận thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông, bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; ông, bà đề nghị được thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông Vũ Trọng T và bà Nguyễn Thị H có hai con chung là cháu Vũ Trọng N, sinh ngày 18/11/2009 và cháu Vũ Kim N, sinh ngày 17/9/2015. Ly hôn, ông T, bà H thỏa thuận: bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung. Hơn nữa nguyện vọng của hai con là xin được ở với mẹ là bà H.

Về cấp dưỡng nuôi con chung ông T, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con của ông T

và bà H là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận. Không ai được cản trở quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: ông Vũ Trọng T, bà Nguyễn Thị H không yêu cầu tòa án giải quyết.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Việc tự nguyện nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự của bà Nguyễn Thị H là phù hợp với quy định của pháp luật được chấp nhận.

Toàn bộ yêu cầu của ông T, bà H về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con chung, tài sản chung, lệ phí là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Quan điểm của Viện kiểm sát là có căn cứ được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 149, Điều 361, Điều 362, Điều 363, Điều 365, Điều 366, Điều 367, 369, Điều 370, Điều 371, Điều 397 và Điều 469 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Vũ Trọng T và bà Nguyễn Thị H;

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của ông Vũ Trọng T và bà Nguyễn Thị H:

Giao hai con chung là cháu Vũ Trọng N, sinh ngày 18/11/2009 và cháu Vũ Kim N, sinh ngày 17/9/2015 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi);

Ông Vũ Trọng T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Công nhận bà Nguyễn Thị H tự nguyện nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Xác nhận bà H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng

lệ phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000886 ngày 19/4/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã X, huyện P, tỉnh T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Thu Hà